TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẢO LÂM** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **63** /2018/HNGĐ- ST
Ngày : 30-11-2018
V/v tranh chấp: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LÂM, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Bích Thủy**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Bùi Xuân Quý**
2. Bà **Nguyễn Thị Tài**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thị Hòa**- Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm *tham gia phiên tòa*: Bà **Lâm Thị Hồng**- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2018, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 180/2018/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2018 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1992
Địa chỉ: Tổ 9, xã Đa T, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Bá H,** sinh năm 1987
Địa chỉ: Thôn 10, xã Lộc N, huyện B, tỉnh Lâm Đồng

Chị T, anh H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/8/2018 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Nguyễn Bá H chung sống với nhau từ cuối năm 2015, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục và được hai bên gia đình đồng ý. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lộc N, huyện B, tỉnh Lâm Đồng ngày 07/10/2015. Quá trình chung sống vợ chồng sống với nhau được khoảng 03 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, lý do anh H không quan tâm đến chị

T, không lo làm ăn, thường xuyên nhậu nhẹt. Chị T có khuyên bảo nhưng anh H không thay đổi. Đến tháng 6/2016 chị T và anh H ly thân, chị T và anh H đều về nhà bố mẹ đẻ của hai người sinh sống cho đến nay. Anh H có gọi điện thoại cho chị T được mấy lần nhưng chị T không nghe máy. Từ tháng 8/2016 đến nay hai người không còn liên lạc gì, không sống chung, không quan tâm chăm sóc nhau. Nay mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, chị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị T trình bày quá trình chung sống chị và anh H không có con chung nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T trình bày chị và anh H không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 22/10/2018, 12/11/2018 bị đơn anh Nguyễn Bá H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị Nguyễn Thị T chung sống với nhau từ tháng 11/2015, có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã Lộc N, huyện B là đúng. Vợ chồng chung sống với nhau được khoảng 05 tháng. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do không tin tưởng nhau, chị T và gia đình đã có lời lẽ xúc phạm anh H. Anh H không chấp nhận được nên bỏ về Thành phố Hồ Chí Minh làm việc. Trong cuộc sống vợ chồng, anh H cho rằng chị T không làm tròn bổn phận của người vợ. Vợ chồng ly thân đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn nên chị T yêu cầu ly hôn anh H cũng đồng ý và yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Anh H trình bày quá trình chung sống anh và chị T không có con chung nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh H trình bày anh và chị T không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 12/11/2018 nhưng không được vì lý do chị T có mặt, có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải vụ án, anh H có đơn yêu cầu vắng mặt tại phiên họp về chứng cứ và hòa giải.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt nên không có thay đổi gì về nội dung khởi kiện và lời trình bày trước đây tại Tòa án.

Kết thúc phần tranh luận, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T, cần xử cho chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Bá H được ly hôn. Về con chung, tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét giải quyết. Về án phí cần buộc chị T chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T và bị đơn anh Nguyễn Bá H đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Bá H chung sống với nhau từ cuối năm 2015, có thời gian tìm hiểu và yêu thương nhau, có tổ chức lễ cưới theo phong tục và được hai bên gia đình đồng ý. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lộc N, huyện B, tỉnh Lâm Đồng ngày 07/10/2015. Đây là quan hệ hôn nhân và gia đình được xác lập, thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ. Khi quan hệ vợ chồng được xác lập, vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng chia sẻ, thực hiện công việc trong gia đình.

Tuy nhiên vợ chồng sống với nhau được khoảng 03-04 tháng đã bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, sống không hạnh phúc. Lý do vợ chồng không cùng quan điểm sống, không yêu thương chăm sóc nhau, thường xuyên cãi vã xúc phạm nhau. Chị T trình bày là do anh H không thương yêu vợ, hay nhậu nhẹt và không lo làm ăn. Anh H trình bày là do vợ chồng không tin tưởng nhau, chị T và gia đình có lời lẽ xúc phạm anh H, bản thân chị T không làm tròn bổn phận của người vợ. Do mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên cả hai đã về bố mẹ đẻ sinh sống, ly thân từ tháng 7/2016 đến nay. Trong thời gian ly thân cả hai không còn liên lạc, không gặp nhau, không còn tình cảm vợ chồng, không quan tâm chăm sóc nhau. Xét hôn nhân đã có mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành hòa giải nhưng chị T có mặt, anh H có đơn đề nghị vắng mặt nên không còn mong muốn về sống đoàn tụ với nhau. Vì vậy căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần xử cho chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Bá H được ly hôn là có căn cứ và đúng pháp luật.

- *Về con chung:* Xét lời khai của chị T và anh H đều thống nhất trình bày vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập đến.

- *Về tài sản chung:* Chị T và anh H trình bày không có tài sản chung nên không có yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không đề cập đến.

- *Về nợ chung:* Chị T và anh H trình bày không có nợ chung nên không có yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[3] Về án phí: Đây là vụ án dân sự không có giá ngạch, cần buộc nguyên đơn chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 266 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 5, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ- UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộ p, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T đối với bị đơn anh Nguyễn Bá H về việc *"Ly hôn"*.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Bá H được ly hôn.

2. Về án phí: Buộc nguyên đơn chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị T đã nộp tại biên lai nộp tiền số AA/2015/0005355 ngày 09/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Bảo Lâm;
- Chi cục THADS huyện Bảo Lâm;
-UBND xã Lộc N, huyện B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)
Nguyễn Thị Bích Thủy

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Bảo Lâm;
- Chi cục THADS huyện Bảo Lâm;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

- UBND xã Đa Mi, huyện Hàm Thuận Bắc, Tỉnh Bình Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Thị Bích Thủy

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Trà Hà **Phan Thị** **Dư Thành Trung**